

KHỦNG HOẢNG TINH THẦN DƯỚI NHÃN QUAN CỦA CÁC NHÀ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI

LÊ THỊ HỒNG NHUNG (*)

Tóm tắt: Thực hiện công cuộc hiện đại hóa xã hội, chúng ta tất yếu cần phải tiếp thu những thành tựu văn minh của xã hội hiện đại phương Tây và né tránh những hệ quả tiêu cực xét từ góc độ văn hóa nhân văn của nó. Hàng loạt nhà triết học phương Tây hiện đại nổi tiếng đã và đang đưa ra quan điểm về chính những hệ quả văn hóa tiêu cực của hiện đại hóa, gắn liền chúng với các quá trình hợp lý hóa và thế tục hóa xã hội. Từ đó, họ đặt ra và đưa ra câu trả lời cho vấn đề cốt lõi của phát triển xã hội: con người hiện đại cần phải làm gì để bảo đảm tính chất nhân văn của tiến trình lịch sử. Bài viết phân tích khủng hoảng tinh thần ấy như tiền đề để tiếp thu có chọn lọc thành tựu văn minh phương Tây.

Từ khóa: Khủng hoảng tinh thần; hiện đại hóa; hợp lý hóa; thế tục hóa; văn hóa, văn minh.

Abstract: As a step in social modernization, it is essential to learn to receive accomplishments of western civilization while avoiding its negative effects. Famous modern western philosophers have discussed the negative cultural consequences of modernization associated with rationalism and secularism. They posed questions and answers for the core of social development: what modern men need to do to preserve humanity in the progress of history? This article analyzed that mental crisis as a foundation for selective reception of western civilization.

Keywords: Mental crisis; modernization; rationalism; secularism; culture; civilization.

Ngày nhận bài: 12/12/2019; Ngày sửa bài: 10/01/2020; Ngày duyệt đăng bài: 15/02/2020.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập, tiếp biến văn hóa toàn cầu và hiện đại hóa xã hội ở thời đại ngày nay, chúng ta cần phải đánh giá và tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa phương Tây. Đương nhiên, vốn tiến xa hơn trên con đường phát triển khoa học, công nghệ và sản xuất vật chất, nền văn minh phương Tây mang trong mình nhiều giá trị chung nhân loại. Do vậy, chúng ta cần phải có thái độ sẵn sàng tiếp nhận những giá trị đó, nhưng đó là sự tiếp nhận dựa trên cơ sở văn hóa Việt. Nghĩa là, những giá trị đó cần được làm cho thích ứng với văn hóa Việt, chứ không phải làm

suy đồi và dẫn tới thủ tiêu văn hóa Việt vốn đã có bản sắc, diện mạo riêng của nó. Song, ở đây, chúng ta lại phải đối diện với một hiểm họa khó lường là tâm thế sùng bái phương Tây, tuyệt đối hóa những giá trị của nó và hơn thế nữa, là định hướng “phương Tây hóa”. Bản thân văn hóa phương Tây cũng vấp phải những vấn đề nan giải của riêng nó. Do vậy, tiến hành hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đương nhiên, chúng ta cần phải

(*) NCS. Khoa Triết học Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

nhận thức được những cạm bẫy mà xã hội hiện đại ở phương Tây đã bị sa vào để né tránh, không lặp lại chúng. Như vậy, vấn đề nêu trên đòi hỏi phải được nghiên cứu một cách sâu sắc, trên bình diện triết học, đặc biệt là cần phải tính đến tiếng nói của bản thân các đại diện trí tuệ, các nhà triết học phương Tây. Đây cũng chính là mục đích của bài viết này.

2. Bản chất của tha hóa tinh thần

Như đã rõ, triết học đã, đang và mãi mãi có một mục đích nhân văn duy nhất của mình là giải phóng con người, đem lại tự do cho con người, tức là chỉ ra bản chất đích thực của sự tha hóa (đánh mất nhân tính mình do bị chi phối, bị “chấp” vào những cái không thuộc về nhân tính mình) của con người và con đường khắc phục sự tha hóa ấy. Trong mỗi một thời đại lịch sử, con người luôn bị chi phối bởi một hình thức tha hóa nào đó. C. Mác đã vạch trần sự tha hóa của con người dưới chủ nghĩa tư bản (vật hóa quan hệ giữa người với người) là do sự thống trị của chế độ tư hữu và ông cũng đã chỉ ra con đường khắc phục sự tha hóa đó bằng cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chế độ cộng sản chủ nghĩa⁽¹⁾. Giờ đây, hình thức tha hóa chiếm ưu thế trong xã hội phương Tây chính là sự tha hóa tinh thần. Nghĩa là, con người trong xã hội phương Tây hiện đại bị nô dịch về mặt tinh thần với tư cách giá trị tối cao, có ý nghĩa quyết định bản chất người. Phân tích hình thức tha hóa này và chỉ ra con đường khắc phục nó đã trở thành đề tài chủ yếu của tất cả trào lưu triết học phương Tây hiện đại⁽²⁾. Việc tìm hiểu vấn đề tha hóa tinh thần của người phương Tây hiện đại trong bối cảnh

tiếp biến văn hóa toàn cầu và toàn cầu hóa hiện nay, nhằm né tránh “vết xe đổ” của nền văn minh phương Tây khi tiếp thu những thành tựu tích cực của nó đang trở thành vấn đề có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận, lẫn về mặt thực tiễn đối với chúng ta.

Cùng với thời gian, chúng ta ngày càng nhận thấy rõ hơn rằng, thế kỷ XXI sẽ trở thành một cái mốc quan trọng trong lịch sử loài người. Cái mốc này đánh dấu sự cáo chung của thời đại “chinh phục tự nhiên” của con người. Nền văn minh mà con người đã tạo dựng nên là rất hùng mạnh, khả năng tác động của con người đến sinh quyển đã sâu rộng tới mức đe dọa bản thân môi sinh của Homo Sapiens và, do vậy, đến cả sự tồn tại của loài sinh vật này với tư cách một trong các hệ thống sinh quyển. Thực chất của vấn đề là ở chỗ, giờ đây, mối quan hệ qua lại giữa con người và tự nhiên không thể tổ chức như trước kia, không thể dựa trên cơ sở sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách không suy nghĩ, không có giới hạn và thường xuyên làm hại tự nhiên. Đã đến lúc loài người cần phải ý thức đầy đủ sự phụ thuộc của mình vào khả năng của sinh quyển trong việc duy trì sự ổn định và tiếp tục xây dựng cuộc sống theo nguyên tắc đồng tiến hóa (coevolution) và phát triển bền vững. Đó là nội dung chủ yếu của những chuyển biến đang bắt đầu diễn ra. Tất cả những vấn đề khác đều là thứ yếu.

⁽¹⁾ Xem: Lê Kim Bình, Đỗ Minh Hợp (2014), *Tại sao chúng ta cần phải kiên định chủ nghĩa Mác*. Nxb. Chính trị Quốc gia, HN.

⁽²⁾ Xem: Đỗ Minh Hợp (2016), *Di tìm lẽ sống - Những bí ẩn vĩ đại của con người*. Nxb. Tôn giáo, HN.

Có thể là kỳ quặc, song cơ hội khắc phục khủng hoảng toàn cầu của loài người trước hết phụ thuộc không hẳn vào khả năng tổ chức công nghệ của nền văn minh nhân loại, mà chủ yếu vào diện mạo tinh thần, đạo đức của bản thân con người. Và, dường như mọi cái đều phụ thuộc vào trình độ phát triển đạo đức của con người - trình độ mà con người ý thức được thực chất của mệnh lệnh sinh thái với tư cách một thành tố của hệ thống đạo đức chung - "mệnh lệnh tuyệt đối" như Kant nói. Nếu lĩnh vực đạo đức trước kia chỉ bao quát những quan hệ ở bên trong hệ thống "xã hội loài người", thì hiện nay, nó được mở rộng ra cả những quan hệ "xã hội loài người - tự nhiên". Lời răn "Không được sát sinh" trực tiếp chuyển sang những quan hệ ấy, bởi những quan hệ này, khi bối cảnh hình thành bất lợi, có thể dẫn đến sự huỷ diệt của loài người trên trái Đất theo đúng nghĩa của từ này.

3. Quan điểm của các nhà triết học phương Tây hiện đại về tha hóa tinh thần

Điều nói trên trở thành tâm điểm trong công trình nghiên cứu của N.I.Moiseev như thử nghiệm thú vị nhằm phác họa triết học lịch sử sinh quyển⁽³⁾. N.I.Moiseev đặt niềm tin vào con người và ông hy vọng con người có khả năng tránh thảm họa. Theo ông, để nhận thức sâu sắc hơn về tương lai của loài người, chúng ta cần phải chuyển từ những vấn đề sinh thái học và chính trị học sang vấn đề tiến hóa trong thế giới nội tâm của con người. Đây chính là chiếc chìa khóa để mở ra điều quan trọng nhất - bảo tồn loài Homo Sapiens trên hành tinh. Điều đó thực sự là như vậy, bởi chúng ta đang phải trả lời cho vấn đề nan giải: xét về phương

diện đạo đức, con người ở đầu thế kỷ XXI là gì, con người đó có khả năng nhận thức sự bất đầu của khủng hoảng toàn cầu và tính cấp bách của mệnh lệnh sinh thái ở chừng mực nào? Đến lượt mình, vấn đề này lại đòi hỏi phải làm sáng tỏ bối cảnh đạo đức cụ thể với tư cách phương diện quan trọng bậc nhất của tồn tại người hiện đại. Nói cách khác, chúng ta cần phải xác định những nhân tố cản trở con người làm Người hay, nói chính xác hơn, cản trở con người tự hoàn thiện mình với tư cách Người, cũng như cản trở con người đánh giá những khả năng khắc phục các nhân tố ấy.

Để giải quyết những vấn đề này, cần phải xây dựng một phương pháp thích hợp. Do việc khảo cứu thế giới đương đại và con người với tư cách một thực thể tinh thần - xã hội phức tạp, tồn tại trong thể thống nhất hữu cơ, nên chúng ta cần phải nhận thức phức hệ toàn vẹn "tinh thần - văn hóa - văn minh". Tuy nhiên, chúng ta không thể nhận thức phức hệ thống nhất này nhờ áp dụng phương pháp luận của khoa học cổ điển, - phương pháp luận quy quá trình nhận thức và cải biến thế giới về tác động đến thế giới từ phía chủ thể bằng cách đối lập nghiêm ngặt khách thể với chủ thể. Phương pháp mà chúng ta cần phải có là phương pháp giả định, thứ nhất, tác động lẫn nhau giữa khách thể và chủ thể và, thứ hai, chủ thể là thực thể tinh thần. Với những giả định này, có thể coi bản chất xã hội của con người là tạo phẩm của chính con người. Những tri thức có được về con

⁽³⁾ N.I.Moiseev (1993), *Vươn lên lý tính - Những bài giảng về thuyết tiến hóa phổ quát và những ứng dụng của nó*, Mátxcơva

người nhờ phân tích các dữ liệu kinh nghiệm tinh thần đã được khách quan hóa là bổ sung cần thiết cho các khoa học cổ điển. Những dữ liệu này, về thực chất, phản ánh một phương diện khác của tồn tại người, phương diện mà chúng ta không thể đạt tới bằng tư duy duy lý thuần túy, nhưng việc bỏ qua nó sẽ làm mất bản thân mục đích, nội dung của lịch sử - tinh thần hóa xã hội tính.

Con người sống ở thời đại nào cũng đều có thiên hướng phóng đại ý nghĩa của thời đại đó. Trên thực tế, họ đi đến thiên hướng đó một cách vô tình chứ không phải hữu ý. Chúng ta cũng đi đến thiên hướng ấy khi quan niệm thời hiện đại là kết quả của toàn bộ tiến trình phát triển lịch sử nhân loại. Đương nhiên, khi đó, chúng ta đã không nhìn nhận thời hiện đại bằng nhãn quan của các thế hệ tương lai, bởi chúng ta thường coi cách nhìn nhận đó là chuẩn xác. Mặc dù vậy, bên cạnh những nhân tố mà chúng ta đã biết, trong lịch sử nhân loại vẫn có những nhân tố buộc chúng ta phải tách biệt thời đại thay thế cho thời Trung đại ở châu Âu và nhận được tên gọi là "modern" (thời Hiện đại) hay thời đại Công nghiệp, tức là giai đoạn đang đi đến hồi kết ở trước mắt chúng ta. Vấn đề là ở chỗ, đây chính là thời đại đầu tiên mà những đặc điểm quyết định của nó là giải phóng con người khỏi thế giới quan tôn giáo từng thống trị, là từ bỏ chủ nghĩa thần là trung tâm (theocentrisme) để chuyển sang chủ nghĩa con người là trung tâm (anthropocentrisme) và kết quả tất yếu của nó là thế tục hóa (secularisation) xã hội. Khủng hoảng xã hội bắt đầu bộc lộ rõ ở thời đại này và đó chính là khủng hoảng của lối

sống coi con người là trung tâm (vô thần theo nghĩa này). Đến lượt mình, chính khủng hoảng này quyết định bối cảnh đạo đức của con người hiện đại.

Từ giữa thế kỷ XX, người ta bắt đầu nói tới khởi điểm của thời đại Hậu công nghiệp. Những thuật ngữ, như "thời đại cách mạng khoa học - kỹ thuật" hay "xã hội thông tin", đã xuất hiện. Nhưng, nhìn chung, những đánh giá ngược lại (postmodern) vẫn chiếm ưu thế. Điều này chứng tỏ nội dung của thời hiện đại vẫn chưa được khảo cứu một cách ít nhiều thỏa đáng; thời hiện đại cùng với tất cả mọi cách tân của mình vẫn là kế tục hợp logic của lịch sử cận hiện đại. Trên thực tế, nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội hiện đại đang chia tay với quá khứ theo những mức độ khác nhau. Chẳng hạn, nếu các lĩnh vực kinh tế, chính trị - xã hội biến đổi đã ít nhiều cho thấy sự xuất hiện của một chất lượng mới, thì quan niệm phi tôn giáo về thế giới vẫn đang chứng tỏ mức độ khủng hoảng sâu sắc của thời cận hiện đại. Khủng hoảng này được thể hiện ra như thế nào?

Người ta cho rằng, khủng hoảng của thời cận hiện đại đầu tiên xuất hiện ở cuối thời Phục hưng. Nhà triết học người Pháp, B.Pascal (1623-1662) đưa ra lời cảnh báo về các mối nguy hiểm của việc đề cao con người thái quá. Muộn hơn, nhà triết học người Đức, I.Kant (1724-1804) chia mũ nhọn của chủ nghĩa phê phán của ông vào việc chống lại tự hoại nghi của lý tính. Vào thế kỷ XIX, nhà triết học người Đan Mạch, S.Kierkegaard (1813-1855) lên tiếng chống lại logic học mang tính phi nhân cách hóa trong học thuyết Hegel. Nhà văn, nhà triết học người Nga, M.Dostoesky (1821-1882)

đưa ra tư tưởng về mâu thuẫn của bản tính người, về những miền sâu bí ẩn của nhân cách. Tư tưởng này của ông được coi là thù địch sâu sắc với quan niệm thế tục về con người vốn đặc trưng cho thời cận hiện đại. C.Mác đưa ra tư tưởng về sự tha hóa của con người đối với bản chất xã hội của nó mà theo đó, con người đứng đối lập với lực lượng thù địch - kết quả hoạt động lao động của bản thân nó (tư bản). Nhà triết học người Đức, F.Nietzsche (1844-1900) nói miệt thị về sự "hèn hạ" trên phương diện tinh thần của con người hiện đại và kêu gọi khắc phục tình trạng này. Vào đầu thế kỷ XX, xã hội Công nghiệp hậu kỳ đã bị phê phán một cách toàn diện. Về sự phê phán này, chúng ta có thể kể đến sự phê phán của các nhà triết học lớn, như Ortega y Gasset, Nietzsche, Spengler...⁽⁴⁾.

Chẳng hạn, Ortega y Gasset chỉ ra xu hướng man rợ hóa xã hội như kết quả của quá trình "nổi dậy của đám đông" và như kết quả thống trị của con người đám đông trong xã hội⁽⁵⁾. Gvardini vạch ra sự đối lập giữa các kết quả hoạt động của con người hiện đại với những mục đích thực sự nhân văn của nó. Theo ông, nền văn minh nhân loại (cụ thể là quyền lực) đã "nổi loạn" chống lại con người và dẫn đến nền "văn hóa phi - văn hóa"⁽⁶⁾. Berdyaev nhận thấy "cái bi đát" của toàn bộ thời cận hiện đại là sự "chối bỏ Kitô giáo". Với thời hiện đại, theo ông, điều quan ngại nhất là niềm tin thái quá vào kỹ thuật, tức là quyền lực vô hạn đối với tự nhiên và con người từ phía các lực lượng xã hội vô danh tính, hợp lý hóa một cách bất cần ý thức con người và do vậy, làm tiêu tan mục đích của tồn tại người. Ông cho rằng, đại bộ phận người

phương Tây đã từng là những người đa thần giáo, họ được sinh ra từ nền một văn hóa thấm đượm tư duy Kitô giáo. Họ đi đến giai đoạn được gọi là "trưởng thành", "độc lập", song về thực chất, đã đánh mất quá khứ của mình mà lại chưa đạt tới hiện tại, tức một nền văn hóa khác. Họ đánh mất cội nguồn Kitô giáo, song lại chưa sống một nếp sống mới theo Phúc âm. Do vậy, theo ông, điều lo ngại nhất là sự thống trị hoàn toàn của văn minh đối với văn hóa⁽⁷⁾. Sorokin cho rằng, nền văn hóa duy cảm của thời đại Công nghiệp tất yếu phải bị diệt vong bởi chủ nghĩa tương đối về giá trị đang chuyển hóa thành chủ nghĩa hư vô⁽⁸⁾.

Fromm lưu ý rằng, trong xã hội Công nghiệp hậu kỳ, con người đứng đối lập với một hệ thống tổ chức khổng lồ - nhà nước cùng với nền công nghiệp hiện đại mà, khi hoạt động vì những lợi ích riêng của mình, thường trở nên rất xa lạ đối với con người, thậm chí còn thù địch với con người và biến con người hoàn toàn thành khách thể, - "vật hóa" con người. Theo ông, "con người bị xâm chiếm bởi tâm trạng bất an và mong muốn cống hiến toàn bộ tự do của mình cho mọi kẻ độc tài đủ loại; hay con người đánh mất tự do, biến mình thành cái đinh vít của cỗ máy: không phải là con

⁽⁴⁾ Xem: Đỗ Minh Hợp (2006), *Diện mạo triết học phương Tây hiện đại*. Nxb. Hà Nội, tr.3-28.

⁽⁵⁾ H.Ortega y Gasset (1995), *Sự nổi dậy của đại chúng*. London, tr.55.

⁽⁶⁾ R.Gvardini (1990), *Sự cáo chung của thời Cận đại*. Maiz, tr.18.

⁽⁷⁾ N.Berdyaev (1994), *Trạng thái tinh thần của thế giới hiện đại*. Mátxcơva, tr.485.

⁽⁸⁾ P.Sorokin (1959), *Khủng hoảng của thời đại chúng ta - Con người, văn minh, xã hội*. N.Y., tr.427

người tự do, mà là người máy được nuôi dưỡng tốt, được ăn mặc đẹp⁽⁹⁾. Tillich nhận xét: “những bảo đảm được đem lại nhờ các cơ chế giám sát kỹ thuật một cách có hiệu quả đối với tự nhiên, những phương pháp giám sát tâm lý đối với cá nhân và giám sát sự phát triển nhanh về mặt tổ chức đối với xã hội, - tất cả những bảo đảm như vậy đều phải trả cái giá đắt: bản thân con người mà tất cả những bảo đảm đó được tạo ra như những phương tiện lại trở thành phương tiện hỗ trợ cho những bảo đảm ấy⁽¹⁰⁾”.

Từ những quan niệm đó, người ta cho rằng, đặc trưng cho nền văn minh đang “nổi loạn” chống lại văn hóa là những hệ quả xã hội và tinh thần sau đây: khi bị chuyển hóa thành một yếu tố của hệ thống tổ chức phức tạp, “con người đám đông” tự thấy mình bất lực và cô độc. Con người đó hướng đến những giải pháp đơn giản và thái quá, đến bạo lực và “tôn thờ thần tượng”, khi mà những giá trị đích thực của nó (nhân văn) bị thay thế bằng những hiện tượng xã hội, như nhà nước, dân tộc, kỹ thuật và thậm chí là thần thoại (về chủng tộc, dòng họ,...). Với tư cách là cái trực tiếp thù địch với bản nguyên tinh thần trong con người, “văn hóa đám đông” khuôn mẫu hóa ý thức của con người đám đông, khuôn mẫu hóa lối sống, những nhu cầu và lối ứng xử của con người này. Theo Ortega y Gasset, quá trình “chuyên môn hóa thái quá” diễn ra: người lao động buộc phải trở thành chuyên gia trong một lĩnh vực rất hẹp, xu hướng này tất yếu hạn chế trình độ phát triển trí tuệ và tinh thần của con người, đồng thời làm tăng phụ thuộc của họ vào những tổ chức phức tạp. Xu hướng này

lại càng tăng lên trong thời đại mà quyền thống trị thuộc về các lực lượng sản xuất vô hình. Nét đặc trưng của khoa học hiện đại là hiểu biết ngày một nhiều hơn về những cái ngày một nhỏ hơn. Từ đó, theo Sorokin, con người thường hướng đến tri thức kinh nghiệm, phản lý thuyết - thứ chủ nghĩa thực chứng dễ tiện nhất⁽¹¹⁾.

Tiến bộ khoa học - kỹ thuật đem lại một sức mạnh chưa từng thấy cho những con người mà, về thực chất, chưa trưởng thành về phương diện đạo đức. Đó là hiểm họa đối với sự sống trên trái Đất (vũ khí hủy diệt hàng loạt, nạn ô nhiễm môi trường). Cái gọi là cách mạng thông tin đưa tới chỗ “con người tự nhận thấy mình ngày càng trở nên hèn mọn hơn, khi họ phải đối mặt không những với một hệ thống những xí nghiệp khổng lồ, mà với cả một thế giới vi tính tự quản, suy nghĩ nhanh hơn và thường đúng hơn con người⁽¹²⁾”.

4. Nguyên nhân của khủng hoảng tinh thần và con đường khắc phục nó

Như vậy, có thể khẳng định, những hậu quả của cuộc cách mạng công nghệ là hết sức đa dạng. Sức mạnh kỹ thuật có thể mở ra những khả năng to lớn cho phát triển tinh thần theo các phương hướng khác nhau nhất. Song, kỹ thuật tự thân nó không những không tự động kéo theo tiến bộ trong lĩnh vực văn hóa và tinh thần -

⁽⁹⁾ E.Fromm (1992), *Chạy trốn tự do*. Basel, tr. 9 (Xem thêm: E.Fromm (1990), *Sở hữu hay tồn tại*. London; B.P.Vycheslavsev (1953), *Khủng hoảng của văn hóa công nghiệp*. N.Y., tr.21-28).

⁽¹⁰⁾ P.Tillich (1994), *Dùng cảm tồn tại*. Cambridge, tr.132.

⁽¹¹⁾ P.Sorokin (1959), *Khủng hoảng của thời đại chúng ta*. N.Y., tr.485.

⁽¹²⁾ E.Fromm (1992), *Chạy trốn tự do*. Basel, tr.10.

đạo đức, mà còn trở thành nhân tố làm phức tạp hơn nữa bối cảnh tinh thần vốn đang ngày càng trở nên phong phú và rối rắm hơn rất nhiều so với trước kia. Niềm tin mù quáng vào sức mạnh toàn năng của kỹ thuật có thể làm cho con người đánh mất những giá trị nhân văn, như năng lực thấu hiểu và đồng cảm với người thân, quan niệm về cái thiện và cái ác. Điều này có thể dẫn đến sự phi nhân văn hóa các quan hệ xã hội và quan hệ giữa các cá nhân với nhau.

Đánh giá chung về thời đại Công nghiệp, chúng ta dễ dàng nhận thấy xã hội hiện đại đang làm nảy sinh các lực lượng thù địch với bản thân nhân cách con người. Do vậy, hiện nay, bên cạnh nhiệm vụ giải phóng con người khỏi áp bức ngoại tâm, thực tiễn xã hội hiện đại còn đặt ra một cách gay gắt vấn đề tự do nội tâm của con người. Giải phóng con người khỏi áp bức xã hội chưa hẳn đã giải quyết được vấn đề tự do nội tâm của con người cùng với toàn bộ dung lượng của nó. Sau khi được giải phóng khỏi xiềng xích của chế độ áp bức, “con người nhỏ bé” lại bộc lộ khát vọng được giải phóng về mặt tinh thần ngày một lớn hơn. Khi đó, các mặt đen tối của bản tính người bắt đầu được xem xét không hẳn từ góc độ nhận thức, mà chủ yếu là từ góc độ hiệu quả thanh tẩy bản tính ấy. Im lặng và che đậy sẽ sinh ra tính hiếu chiến. Ngược lại, lời con người đen tối ra ánh sáng sẽ có khả năng loại bỏ căng thẳng nội tâm. Thực tế này gắn liền với quá trình phi thần thánh hoá văn hóa.

Nhận định này cần được làm sáng tỏ. Với những câu hỏi, như “con người hiện

đại là gì?”, “cái gì đang chờ đợi nó?”, trước hết cần phải thừa nhận trả lời cho các câu hỏi như vậy không hề đơn giản. Sự nan giải ở đây không chỉ vì dự báo tương lai bao giờ cũng khó, mà còn vì tính hợp lý của bản thân các câu hỏi này luôn dẫn đến hoài nghi. Theo Chaadaev, khi một nhà triết học nói ra danh từ “con người”, thì không phải bao giờ ông ta cũng hiểu mình định nói gì⁽¹³⁾. Hoài nghi đó của Chaadaev rất đáng phải suy ngẫm. Tất nhiên, nếu coi con người hoàn toàn thuộc về thế giới xã hội, thì có thể hạn chế số phận của họ một cách tuyệt đối ở bản thân tính xã hội này. Khi đó, theo F.Fukuyama, thậm chí còn có thể nói đến “sự cáo chung của lịch sử”⁽¹⁴⁾.

Theo quan điểm nhân học triết học, những quan niệm như vậy là rất hơi hợt. Thực ra, sau hơn hai mươi thế kỷ tìm kiếm câu trả lời cho câu hỏi “con người là gì?”, tư tưởng triết học phương Tây, mặc dù mắc phải những hạn chế mang tính thực chứng chủ nghĩa, nó luôn giữ quan điểm rằng, không thể quy con người chỉ về thế giới xã hội. Nếu nhìn nhận mục đích sống của con người chỉ là khát vọng được giải phóng về phương diện xã hội, thì tư tưởng về các cội nguồn nào đó của lịch sử sẽ trở nên vô nghĩa. Không nên hiểu số phận của con người chỉ là số phận mang bản tính xã hội (bản thân nó cần phải được nghiên cứu một cách sâu sắc hơn nữa). Không thể hình dung tương lai của nhân loại sẽ ra sao nếu không tính

⁽¹³⁾ P.Ya.Chaadaev (1991), *Toàn tập*, t.2 London, tr.468.

⁽¹⁴⁾ F.Fukuyama (1990), *Sự cáo chung của lịch sử*. N.Y., tr.28.

đến số phận của con người với tư cách một thực thể tinh thần, một nhân cách. Mục đích và triển vọng tồn tại trong xã hội hiện đại như một thực thể tinh thần của con người là gì?

Để trả lời câu hỏi này, trước hết chúng ta cần phải quan tâm đến việc lựa chọn một giải pháp nào đó để sao cho vấn đề này không thể được luận chứng một cách hoàn toàn duy lý. Theo Leontev, đây là công việc lựa chọn cuối cùng, đòi hỏi phải có tự do⁽¹⁵⁾. Phương án lựa chọn phổ biến ở đây là sự lựa chọn bắt nguồn từ quan điểm nhân học của Kant - quan điểm chủ yếu dựa trên quan niệm Kitô giáo về con người. Đó là quan niệm rằng, con người đồng thời thuộc về hai thế giới - thế giới tự nhiên và thế giới siêu nhiên. Mamardashvili gọi thế giới siêu nhiên này là "đất nước vô hình", là "tổ quốc bí ẩn vô hình của bất kỳ thực thể có ý thức nào". Theo ông, do con người có ý thức, nên họ đều có tổ quốc thứ hai và, với tư cách thực thể tinh thần, với tư cách con người, họ là những công dân của tổ quốc thứ hai đó⁽¹⁶⁾. Bản chất siêu nhiên của con người thể hiện trong tinh thần của nó, trước hết là trong ý thức tôn giáo mà, đến lượt mình, ý thức tôn giáo này lại bộc lộ ra thông qua những quy tắc đạo đức vốn có của con người. Khi đó, mọi nỗ lực tinh thần đều thể hiện ra là bộ phận cấu thành quan trọng nhất của hoạt động tinh thần. Do vậy, một vấn đề triết học quan trọng được đặt ra ở đây - vấn đề minh biện cho chủ nghĩa duy lý đã bị bỏ qua. Tuy nhiên, chúng ta cần phải coi những nỗ lực tinh thần đó là điều kiện cần thiết cho đời sống văn hóa, là sự

khách quan hóa đời sống của con người. Với quan điểm này, Mamardashvili cho rằng, "ý thức" (hay ý thức tôn giáo) là cái không thể quy về hoạt động lý trí; nó là cái biểu thị lĩnh vực không phân chia được, bao hàm mọi biểu hiện của con người như một thực thể thuộc về hai thế giới. Rằng, thực hiện hành vi ý thức có nghĩa là thực hiện nỗ lực có bản chất trí tuệ - đạo đức thống nhất. Như vậy, có thể nói, thuật ngữ "ý thức" đã được Mamardashvili sử dụng theo nghĩa "tinh thần". Với ông, không có nỗ lực thì cũng không có con người với tư cách một nhân cách; trở thành con người cũng có nghĩa là trở thành thực thể đạo đức, là sống bằng nỗ lực thường xuyên của ý thức (tinh thần). Chính với nghĩa đó mà Mamardashvili đã nói rằng, văn hóa chỉ là khả năng của văn hóa cao cả hơn.

5. Kết luận

Từ những suy luận nêu trên, chúng ta cần phải đi đến kết luận rằng, khủng hoảng tinh thần của con người hiện đại bắt nguồn từ thực tế lãng quên quy tắc đạo đức cơ bản của loài người theo nghĩa mà Kant đã nói tới, tức là ngoài lương tâm và trí tuệ, còn phải kích lệ cái thiện, hay tác động trực tiếp và tích cực của bản nguyên thiện đến chúng ta và ở trong chúng ta⁽¹⁷⁾. Tư tưởng về năng lực bẩm sinh của con người trong việc khu biệt giữa cái thiện và cái ác, về sự cần

⁽¹⁵⁾ N. Berdyaev (1951), *Vương quốc tinh thần và vương quốc nô lệ*. N.Y., tr.393.

⁽¹⁶⁾ M. Mamardashvili (1992), *Tư tưởng bị cấm đoán*. Cambridge, tr.105.

⁽¹⁷⁾ V. Soloviev (1991), *Mục đích của tình yêu*, London, tr.393.

thiết phải tạo ra cái thiện để con người trở thành người, là tư tưởng xuất phát từ quan niệm Kitô giáo về cá nhân như một chủ thể độc lập có giá trị tự thân, có năng lực tiếp cận với cái thần thánh nhờ ý chí tự do của nó. Do vậy, con đường chân chính đối với mỗi con người chỉ có thể là con đường nỗ lực không mệt mỏi, tự sáng tạo ra bản thân mình như một thực thể tương tự với Chúa.

Mức độ mà con người ý thức được sự cần thiết phải nỗ lực như vậy, phải hoàn thiện đạo đức cũng như các chuẩn mực đạo đức tương ứng mà họ có nghĩa vụ tuân thủ, - đó chính là cái chứng tỏ trình độ phát triển tinh thần của con người. Khi đó, ở mỗi thời điểm cụ thể, tùy thuộc vào mức độ nỗ lực của mình, con người trở nên khác nhau một cách đáng kể. Người này nỗ lực ít hơn, người khác nỗ lực nhiều hơn, nhưng đây không phải là vấn đề thuộc về dân chủ, bởi dân chủ đòi hỏi sự bình đẳng về những điều kiện xuất phát. Dân chủ không có nghĩa là chia đều, là cào bằng. Người ta không thể chia đều những cái không có. Con người phải tự mình tìm kiếm những cái mà mình cần có bằng nỗ lực của chính mình. Và, với nghĩa đó, mỗi người đều có cuộc sống riêng ở một thời điểm nào đó. Thực tiễn cho thấy người ta chỉ có thể nói đến trình độ phát triển tinh thần cao đối với những cá thể nào đó, còn số đông được phân bổ không đồng đều giữa hai ranh giới tinh thần là văn minh và man rợ. Tư tưởng về "giới tinh hoa tinh thần" chỉ là một sự trừu tượng hóa có lợi cho những những suy luận tư biện. Việc phân chia con

người thành giới tinh hoa và đại chúng chỉ mang tính tương đối. Cốt lõi của vấn đề là tự ý thức của mỗi con người về tự do như một giá trị tinh thần tối cao của mình, là việc hiện thực hóa nó và chịu trách nhiệm về nó dựa trên những giá trị nhân văn đích thực mà nhân loại đã tích lũy được trong suốt chiều dài lịch sử tồn tại và phát triển của mình. Đây cũng là mục đích mà tác giả bài viết này muốn đặt ra như một vấn đề để độc giả cùng suy ngẫm và tìm ra con đường giải phóng con người hiện đại khỏi những cảm dỗ, những khát vọng tầm thường luôn ẩn náu trong mỗi người chúng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Camus (1970), *Con người một chiều - lý luận và ý thức hệ của xã hội công nghiệp tiên tiến*, Nxb. Nửa đêm, Sài Gòn.
2. Trần Thái Đình (2005), *Triết học hiện sinh*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
3. Nguyễn Chí Hiếu, Đỗ Minh Hợp (2013), *Chủ nghĩa Mác phương Tây*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Đỗ Minh Hợp (2006), *Diện mạo triết học phương Tây hiện đại*, Nxb. Hà Nội.
5. Lê Tôn Nghiêm (1971), *Những vấn đề triết học hiện đại*, Nxb. Ra khơi, Sài Gòn.
6. Alain Touraine (2003), *Phê phán tính hiện đại*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
7. Viện Thông tin Khoa học xã hội (1997), *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, (tập 1), Thông tin Chuyên đề.
8. Viện Thông tin Khoa học xã hội (1997), *Tôn giáo và đời sống hiện đại*, (tập 2), Thông tin Chuyên đề.